



Số: .../2026/CV-HTNV-PHFM

Ngày 11 tháng 09 năm 2026/ Date 11-September-2026

THÔNG BÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN CƠ CẤU
ANNOUNCEMENT OF THE BASKET OF COMPONENT SECURITIES

Kính gửi/Dear : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/The State Securities
- Tổng công ty Lưu Ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam/Vietnam Securities Depository
- Các Thành Viên Lập Quỹ/Authorized Participants
- Các Đại lý phân phối/Distributors
- Các Nhà Đầu Tư/Investors

- Tên CTQLQ/ Fund Management Company: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/ Phu Hung Fund Management Joint Stock Company
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank : Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa/
Bank for Investment and Development of Vietnam JSC - Nam Ky Khoi Nghia Branch
- Tên quỹ ETF/ ETF name : Quỹ ETF PHFM VNSHINE/ PHFM VNSHINE ETF
- Địa chỉ trụ sở/ Main office address : Tầng 20, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, Số 8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/
20th Floor, Phu My Hung Tower, No. 8 Hoang Van Thai Street, Tan My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Chúng tôi thông báo danh mục chứng khoán cơ cấu của Quỹ ETF PHFM VNSHINE như sau:

We announce the basket of component securities for PHFM VNSHINE ETF as follows:

- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date : 14/09/2026
- Đơn vị tính: 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF units
- Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi lấy 01 lô chứng chỉ quỹ ETF:
Components and weights of the basket of component securities for 01 ETF lot:

STT No.	Mã chứng khoán Securities code	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) Volume/ Amount	Tỷ lệ % trong danh mục Weight (%)
I.Chứng khoán/ Stock		951,495,000	99.71
1	ACB	4,100	9.47
2	BMP	100	1.47
3	BVH	200	1.34
4	CTR	100	0.78
5	DCM	300	1.02
6	DGW	300	1.40
7	DPG	200	0.57
8	DPM	600	1.41
9	FPT	1,400	10.67
10	FTS	400	0.86
11	GAS	300	2.61
12	GMD	1,000	7.82
13	GVR	400	1.26
14	HCM	1,800	4.81
15	MSH	100	0.31
16	MWG	1,200	8.97
17	NLG	900	2.33
18	NT2	200	0.43
19	NTL	200	0.27
20	PHR	200	0.69
21	PLX	300	1.11
22	PNJ	1,100	4.30
23	REE	500	2.36
24	SAB	300	1.38
25	SCS	100	0.45
26	SSI	4,800	10.21
27	TLG	100	0.52
28	VGC	100	0.43
29	VNM	1,600	10.04

30	VPB	3,700	10.45
II.Tiền/ Cash		2,767,196	0.29
III.Tổng/ Total (=I+II)		954,262,196	100

5. Chênh lệch giữa DMCKCC và giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi:
Spread between the value of basket of component securities and the value of 01 ETF creation lot:
+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value* (VND):
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *The value of 01 ETF creation lot* (VND):
+ Giá trị chênh lệch/ *Spread in value* (VND):

951,495,000
954,262,196
2,767,196

Nhà đầu tư nộp bằng tiền/
Investor transfers cash to Fund's account

- + Phương án xử lý đối với Nhà đầu tư góp vốn/ *Settlement plan for the difference* :
6. Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được góp vốn thay thế bằng tiền (nếu có)
In case, component securities can be replaced by cash (if any):

Mã chứng khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
<i>Securities code</i>	<i>Equivalent cash amount for 1 share (VND)</i>	<i>Applied party</i>	<i>Reason</i>
BVH	70,400	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 28.4a Thông tư 121/2020/TT-BTC/ Restriction of ownership by Article 28.4a of Circular 121/2020/TT-BTC
HCM	28,050	HSC	Cổ phiếu quỹ chưa đăng ký giao dịch/ Treasury shares not yet registered for trading
MWG	78,430	AP/ Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
PNJ	41,030	AP/ Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit
REE	49,445	AP/ Nhà đầu tư nước ngoài Foreign AP/Investors	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/ The stock reaches foreign ownership limit

TP.HCM, ngày 11 tháng 09 năm 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
PHU HUNG FUND MANAGEMENT JOINT STOCK COMPANY




TRẦN HUI-HUNG
 Tổng Giám Đốc/General Director